

Số: 141/2020/QĐST-KDTM

Đông Anh, ngày 27 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 19 tháng 11 năm 2020 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 141/2020/TLST-KDTM ngày 21/10/2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải thành ngày 19 tháng 11 năm 2020 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng NN**; trụ sở: Số K đường LH, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Tiết Văn T** – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trịnh Xuân L** – Phó giám đốc phụ trách điều hành Ngân hàng NN chi nhánh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Long: Ông **Trần Văn M** – Phó giám đốc Ngân hàng NN chi nhánh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông **Nguyễn Hoàng S** – Giám đốc phòng giao dịch D - Ngân hàng NN chi nhánh Đ.

- *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1988; anh **Nguyễn Hữu C1**, sinh năm 1981; cùng nơi cư trú: Thôn TB, xã VH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Cháu **Nguyễn Hữu Q**, sinh năm 2007; cháu **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 2011; cùng nơi cư trú: Thôn TB, xã VH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Q, cháu H: Chị Nghiêm Thị C và anh Nghiêm Hữu C1.

2/ Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ: Theo Hợp đồng tín dụng số 3140-LAV-201806055 ngày 06/11/2018; các giấy nhận nợ: Giấy nhận nợ số 3140LD S201909363 ngày 03/7/2019; Giấy nhận nợ số 3140LD S2019096616; Giấy nhận nợ số 3140LD S201915082 ngày 30/10/2019; Giấy nhận nợ số 3140LD S201915316 ngày 04/11/2019. Tính đến hết ngày 19/11/2020, chị Nghiêm Thị C – anh Nghiêm Hữu C1 còn nợ Ngân hàng NN số tiền như sau:

- Tổng dư nợ gốc: 2.935.000.000 (Hai tỷ, chín trăm ba mươi lăm triệu) đồng.
- Tổng dư nợ lãi trong hạn: 273.977.382 (Hai trăm bảy mươi ba triệu, chín trăm bảy mươi bảy nghìn, ba trăm tám mươi hai) đồng.
- Tổng dư nợ lãi quá hạn: 84.135.329 (Tám mươi bốn triệu, một trăm ba mươi lăm nghìn, ba trăm hai mươi chín) đồng.
- Tổng dư nợ gốc và lãi: 3.293.112.711 (Ba tỷ, hai trăm chín mươi ba triệu, một trăm mười hai nghìn, bảy trăm mười một) đồng.

2. Về phương thức trả nợ: Hạn cuối là 31/12/2021, chị Nghiêm Thị C – anh Nghiêm Hữu C1 phải trả cho Ngân hàng NN số tiền 3.293.112.711 (Ba tỷ, hai trăm chín mươi ba triệu, một trăm mười hai nghìn, bảy trăm mười một) đồng và tiền lãi phát sinh trên nợ gốc 2.935.000.000 (Hai tỷ, chín trăm ba mươi lăm triệu) đồng kể từ ngày 20/11/2020 đến khi tất toán khoản nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ theo lộ trình cụ thể sau:

- Tháng 12 năm 2020 và tháng 1, tháng 2 năm 2021, mỗi tháng chị Nghiêm Thị C – anh Nghiêm Hữu C1 phải trả Ngân hàng NN tối thiểu số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng vào ngày 28 hàng tháng.

- Từ tháng 3 đến hết tháng 11 năm 2021, mỗi tháng chị Nghiêm Thị C – anh Nghiêm Hữu C1 phải trả Ngân hàng NN tối thiểu 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng vào ngày 28 hàng tháng.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021, chị Nghiêm Thị C – anh Nghiêm Hữu C1 phải tất toán toàn bộ khoản nợ.

Toàn bộ tiền chị Nghiêm Thị C – anh Nghiêm Hữu C1 trả Ngân hàng NN sẽ thu vào tiền gốc. Sau khi thu hết tiền gốc mới được thu vào tiền lãi.

3. Trường hợp chị Nghiêm Thị C – anh Nghiêm Hữu C1 vi phạm bất kỳ kỳ trả nợ nào theo thỏa thuận trên thì Ngân hàng NN có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 11, tờ bản đồ số QH tại thôn TB, xã VH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội theo GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số BC464098, số vào sổ: 4482.QĐ-UBND.00161.QĐ2010 ngày 20/10/2010 do UBND huyện Đông Anh cấp cho anh Nghiêm Hữu C1 và chị Nghiêm Thị C.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán khoản nợ thì chị Nghiêm Thị C – anh Nghiêm Hữu C1 tiếp tục phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng NN.

2.4 Tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 97.862.000 (Chín mươi bảy triệu, tám trăm sáu mươi nghìn) đồng. Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên được giảm 50%; số tiền án phí còn: 48.931.000 (Bốn mươi tám triệu, chín trăm ba mươi một nghìn) đồng. Chị Nghiêm Thị C – anh Nghiêm Hữu C1 phải nộp số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 48.931.000 (Bốn mươi tám triệu, chín trăm ba mươi một nghìn) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Trả lại Ngân hàng NN số tiền 48.510.000 (Bốn mươi tám triệu, năm trăm mười nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0017851 ngày 16 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

3. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Quang Tuyến